

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 17 - 5 - 2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lục Minh Thắng

Ông Bùi Nhật Đại

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Chử, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang và bà **Nông Thị T**, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nông Thị Q**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.**

**- Bị đơn:** Anh **Hoàng Văn C**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.**

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần 02 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị **Nông Thị Q** trình bày: Chị và anh **Hoàng Văn C** về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, tìm

hiếu được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, năm 2009 có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Sau khi cưới chị Q về làm dâu chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn Đ, xã Đ, huyện B. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc và có 02 con chung. Từ năm 2018 thì giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Q có lỗi không chung thủy, chị đã xin lỗi anh C và gia đình nhà chồng nhưng mỗi lần không hài lòng là anh nhắc lại chuyện cũ làm cho cuộc sống giữa hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự động viên chia sẻ lẫn nhau, dẫn đến xảy ra xô sát, cãi chửi lẫn nhau. Gia đình hai bên nội ngoại cũng hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm giữa hai vợ chồng không khắc phục được, chính vì vậy, anh chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau từ tháng 8/2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên chị Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn C.

Về con chung: Chị Nông Thị Q khai nhận, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Văn K, sinh ngày 26/11/2007 và cháu Hoàng Thị Minh Y, sinh ngày 16/02/2011. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc cháu Hoàng Thị Minh Y cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi; anh Hoàng Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Văn K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Nông Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Hoàng Văn C: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án do anh Hoàng Văn C làm nghề lao động tự do thường xuyên vắng nhà thỉnh thoảng mới về, nên các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho bị đơn đều được giao cho bà Nguyễn Thị C1 (là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn C) nhận thay.

Tại biên bản làm việc ngày 10/4/2024, bà Nguyễn Thị C1 (là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn C), trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang cho biết: Năm 2007 anh Hoàng Văn C có xây dựng gia đình với chị Nông Thị Q, sinh năm 1988 thuộc thôn A, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới chị Nông Thị Q về làm dâu, sống chung với gia đình nhà chồng, đến năm 2011 anh chị làm nhà ra ở riêng trên diện tích đất của ông bà cho mượn thuộc đội 2, thôn Đ, xã Đ, huyện B. Quá trình chung sống, sống hạnh phúc và có hai con chung, đến năm 2018 cả hai anh chị đều đi làm ăn ở công ty, đến năm 2021 anh C trở về

nhà, do chơi cờ lâu lỏng nên năm 2022 anh C đã bị đưa đi cai nghiện một thời gian, sau khi trở về anh C lại tiếp tục đi làm ăn xa. Quá trình đi làm ăn xa, thỉnh thoảng anh C, có về nhà thăm bố mẹ và con cái và có tâm sự trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, chị Nông Thị Q đã có đơn đề nghị giải quyết ly hôn. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết bà có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án do xã Đ chuyển đến, bà cũng thông báo cho anh C biết sự việc. Tuy nhiên, do anh Hoàng Văn C đi làm ăn xa, không về giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con được. Tại buổi làm việc, Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang có điện thoại trực tiếp cho con trai của bà là Hoàng Văn C, trước sự có mặt của ông Nguyễn Minh T1, công chức Tư pháp – Hộ Tịch xã Đ và ông Hoàng Văn C2, trưởng thôn Đ. Thẩm phán Tòa án đã bật loa ngoài và hỏi anh Hoàng Văn C về quan điểm xin ly hôn của chị Nông Thị Q và quan điểm về việc nuôi con chung; tài sản chung và công nợ chung đề nghị Tòa án giải quyết như thế nào?

Trên điện thoại anh Hoàng Văn C cho biết quan điểm về quan hệ hôn nhân, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang sớm giải quyết cho anh C và chị Q được ly hôn. Về nuôi con chung, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Văn K, sinh ngày 26/11/2007; còn chị Nông Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thị Minh Y, sinh ngày 16/02/2011. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo đơn khởi kiện của chị Nông Thị Q. Bị đơn anh Hoàng Văn C, cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn khi có thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi con chung tại chính quyền địa phương để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa mở lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa mở lần thứ hai nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nông Thị Q vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn C; về con chung, chị đề nghị giải quyết chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Thị Minh Y cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Còn anh Hoàng Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Văn K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung chị Nông Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu

ý kiến tại phiên tòa như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chị **Nông Thị Q** đều chấp hành và tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, còn bị đơn anh **Hoàng Văn C** đã không tuân thủ và không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị **Nông Thị Q** được ly hôn anh **Hoàng Văn C**.

+ Về con chung: Đề nghị xử giao cho chị **Nông Thị Q** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Hoàng Thị Minh Y**, sinh ngày 16/02/2011 cho đến khi cháu **Y** đủ 18 tuổi, giao cho anh **Hoàng Văn C** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Hoàng Văn K**, sinh ngày 26/11/2007 cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị **Nông Thị Q** và **Hoàng Văn C**, đều cư trú tại **thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang**, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và các biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, biên bản làm việc với bà **Nguyễn Thị C1** (là mẹ đẻ của bị đơn) cho thấy, chị **Nông Thị Q** và anh **Hoàng Văn C** kết hôn năm 2007 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức

cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó cuộc hôn nhân giữa hai anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Tuy nhiên, quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến xúc phạm chửi bới lẫn nhau làm tình cảm vợ chồng dần nứt vỡ và hiện nay anh chị đã sống ly thân. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập từ bố mẹ đẻ của bị đơn; biên bản làm việc tại chính quyền địa phương và lời trình bày của nguyên đơn cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **Nông Thị Q** và anh **Hoàng Văn C** đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quan điểm của nguyên đơn trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, chị **Nông Thị Q** vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh **Hoàng Văn C**. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị được ly hôn anh **Hoàng Văn C**.

[4] Về con chung: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và phần trình bày của bà **Nguyễn Thị C1** (là mẹ đẻ của bị đơn) cùng tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định được chị **Nông Thị Q** và anh **Hoàng Văn C** có 02 con chung là cháu **Hoàng Văn K**, sinh ngày 26/11/2007 và cháu **Hoàng Thị Minh Y**, sinh ngày 16/02/2011. Quan điểm của hai anh chị, giao chị **Nông Thị Q** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Hoàng Thị Minh Y**, sinh ngày 16/02/2011 cho đến khi cháu **Y** đủ 18 tuổi, giao cho anh **Hoàng Văn C** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Hoàng Văn K**, sinh ngày 26/11/2007 cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét thấy quan điểm của cả hai anh chị về việc con chung là thống nhất, phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định của pháp luật, cả hai anh chị đều đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con tốt. Do đó, để đảm bảo về mặt tâm sinh lý và quyền lợi mọi mặt của các con, cần áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cho chị **Nông Thị Q** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Hoàng Thị Minh Y** cho đến khi cháu **Y** đủ 18 tuổi, giao cho anh **Hoàng Văn C** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Hoàng Văn K** cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Nông Thị Q** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Nông Thị Q**, xử cho chị **Nông Thị Q** được ly hôn anh **Hoàng Văn C**.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao chị **Nông Thị Q** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Hoàng Thị Minh Y**, sinh ngày 16/02/2011 cho đến khi cháu **Y** đủ 18 tuổi; anh **Hoàng Văn C** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Hoàng Văn K**, sinh ngày 26/11/2007 cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung chị **Nông Thị Q**, anh **Hoàng Văn C** có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị **Nông Thị Q** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0002049, ngày 20 tháng 02 năm 2024.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đàm Thị Tư**